

ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

CÁC YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN

Áp dụng chung đối với các trường hợp điều chỉnh

1. Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư.
2. Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đầu tư.
3. Bản sửa đổi, bổ sung của Điều lệ công ty có đầy đủ chữ ký của của người đại diện theo pháp luật của công ty và của các thành viên hoặc người đại diện theo uỷ quyền đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên; của các cổ đông sáng lập hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần ; của chủ sở hữu công ty đối với công ty TNHH một thành viên.
4. Bản sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng liên doanh đối với công ty liên doanh hoặc Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh.
5. Báo cáo tình hình hoạt động của doanh nghiệp và dự án đến thời điểm đăng ký điều chỉnh.
6. Hộ chiếu / Giấy chứng minh nhân dân của người nộp hồ sơ (Xuất trình bản gốc).
7. Giấy giới thiệu của công ty được ký bởi người đại diện theo pháp luật và đóng dấu bởi công ty cho người nộp hồ sơ nếu người đại diện theo pháp luật của công ty không nộp trực tiếp.

Áp dụng đối với trường hợp bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh / thay đổi địa chỉ trụ sở chính / đổi tên doanh nghiệp :

8. Quyết định bằng văn bản và biên bản họp về việc bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH 2 thành viên trở lên; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty TNHH 1 thành viên về việc bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh / thay đổi địa chỉ trụ sở chính / đổi tên doanh nghiệp (Bản chính).

Áp dụng đối với trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty:

9. Quyết định bằng văn bản và biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH 2 thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty TNHH 1 thành viên về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp (Bản chính).
10. Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật mới.

Áp dụng đối với trường hợp thay đổi vốn điều lệ công ty:

11. Quyết định bằng văn bản và biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH 2 thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty TNHH 1 thành viên về việc thay đổi vốn điều lệ của công ty (Bản chính).

12. Trường hợp giảm vốn điều lệ, doanh nghiệp phải cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn kèm theo báo cáo tài chính kiểm toán của công ty tại kỳ gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ.

Áp dụng đối với trường hợp thay đổi cổ đông sáng lập Công ty cổ phần

13. Quyết định bằng văn bản và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi cổ đông sáng lập (Bản chính).
14. Danh sách các cổ đông sáng lập sau khi thay đổi kèm theo giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của nhà đầu tư mới:

- đối với nhà đầu tư mới là cá nhân

15. Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu.

- đối với nhà đầu tư là tổ chức

16. Bản sao quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác xác định tư cách pháp lý của nhà đầu tư.
17. Văn bản ủy quyền của nhà đầu tư cho người đại diện theo ủy quyền tại công ty.
18. Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu của người đại diện theo ủy quyền.

Áp dụng đối với trường hợp thay đổi thành viên Công ty TNHH 2 thành viên trở lên

11. Quyết định bằng văn bản và biên bản họp của Hội đồng thành viên về việc thay đổi thành viên (Bản chính).
12. Danh sách thành viên sau khi thay đổi kèm theo Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của nhà đầu tư mới:

- đối với nhà đầu tư mới là cá nhân

13. Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu.

- đối với nhà đầu tư là tổ chức

14. Bản sao quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác xác định tư cách pháp lý của nhà đầu tư.
15. Văn bản ủy quyền của nhà đầu tư cho người đại diện theo ủy quyền tại công ty.
16. Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu của người đại diện theo ủy quyền.

- đối với trường hợp thay đổi thành viên do chuyển nhượng phần vốn góp:

17. Hợp đồng chuyển nhượng và các giấy tờ chứng thực đã hoàn tất việc chuyển nhượng có xác nhận của công ty.

- đối với trường hợp tiếp nhận thành viên mới:

18. Quyết định bằng văn bản và biên bản họp của Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới (Bản chính).
19. Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới vào công ty.

Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh vốn của dự án đầu tư mà sau khi điều chỉnh có quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ Đồng Việt Nam trở lên

20. Bản giải trình (ghi rõ những thay đổi so với dự án đang triển khai) và lý do điều chỉnh.

Số lượng hồ sơ:

- Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư nhỏ hơn 300 tỷ Đồng Việt Nam: 01 bộ gốc
- Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ Đồng Việt Nam trở lên: 04 bộ trong đó có 01 bộ gốc

Lưu ý:

- a. Tất cả tài liệu của nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự và được dịch ra tiếng Việt.
- b. Bản sao quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ tương đương khác của nhà đầu tư là tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự không quá ba tháng trước ngày nộp hồ sơ.
- d. Những điều chỉnh liên quan đến mục tiêu, quy mô, địa điểm, hình thức, vốn và thời hạn thực hiện dự án đầu tư phải nhận được sự chấp thuận của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư trước khi điều chỉnh.
- e. Việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đối với những nội dung đăng ký kinh doanh sẽ phải được thực hiện trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày kể từ ngày công ty quyết định thay đổi.